

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 21 – 9 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Văn Năm

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 57/2021/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1976. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1965. (Có mặt)

Cùng cư trú tại: Số 127C, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn C – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 3 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Xuân L trình bày:

Bà L và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là phường Y), thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long ngày 15/4/2011. Vợ chồng sống chung đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về việc chi tiêu

trong gia đình, ông C có tính gia trưởng, thường có lời lẽ thô tục xúc phạm bà L và gia đình bà L. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lê Minh K, sinh ngày 07/9/2005 và Trần Lê Anh Thư, sinh ngày 09/7/2007, nay bà L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 4.000.000đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Văn C trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Trong thời gian sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên ông C không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng cùng lo cho con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 57/2021/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83, 84, 107, 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Xuân L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Xuân L được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Lê Minh K, sinh ngày 07/9/2005 và Trần Lê Anh Thư, sinh ngày 09/7/2007 cho bà Lê Thị Xuân L nuôi dưỡng. Ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 11/6/2021).

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi của con nên được thay đổi quyền nuôi con cũng như việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/6/2021 ông Trần Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Ông C không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Xuân L, Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lê Thị Xuân L đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn Trần Văn C đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, ông không đồng ý ly hôn trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Văn C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Bị đơn ông Trần Văn C phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn, bị đơn không có cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/6/2021 bị đơn Trần Văn C kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông C được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông C không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Xuân L; Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cương quyết ly hôn vì cho rằng ông C có tính gia trưởng, thường có lời lẽ xúc phạm vợ và gia đình vợ, ông C không có lòng tin đối với bà L trong việc chi tiêu trong gia đình; trong khi đó, ông C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chủ yếu là việc chi tiêu trong gia đình không minh bạch nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đồng thời, tại văn bản ý kiến của con chung Trần Lê Minh K và Trần Lê Anh Thư thể hiện trong cuộc sống ông C và bà L nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, ông C có tính gia trưởng, ông C có lời lẽ xúc phạm bà L và gia đình bà L như lời bà L trình bày. Khi Tòa án giải quyết cho bà L và ông C ly hôn thì Trần Lê Minh K và Trần Lê Anh Thư có nguyện vọng sống cùng bà L.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông C có nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, bà L cương quyết ly hôn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử cho bà L được ly hôn với ông C là có căn cứ.

Về con chung: Bà L và ông C có 02 con chung tên Trần Lê Minh K, sinh ngày 07/9/2005 và Trần Lê Anh Thư, sinh ngày 09/7/2007, hai con có nguyện vọng sống với bà L. Do đó, giao 02 con chung tên Trần Lê Minh K, sinh ngày 07/9/2005 và Trần Lê Anh Thư, sinh ngày 09/7/2007 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Đối với kháng cáo của ông C về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L ông C không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu chia tài sản chung của ông C không thuộc thẩm quyền xét xử phúc thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn C, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm, về án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 57/2021/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Xuân L.

Cho bà Lê Thị Xuân L được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Lê Minh K, sinh ngày 07/9/2005 và Trần Lê Anh Thư, sinh ngày 09/7/2007 cho bà Lê Thị Xuân L nuôi dưỡng. Ông Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con là 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/6/2021).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Xuân L và ông Trần Văn C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn C phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án hôn nhân và gia đình phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000296 ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Ông Trần Văn C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TAND.TPVL: 01b;
- THADS.TPVL: 02b;
- UBND P. Tân Hòa: 01;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: 06b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư